

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-ST
Ngày: 16 – 01 - 2020
“V/v tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Thanh Thảo

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Đình Đoàn Hùng

2. Ông Bùi Văn Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Châu Nữ Thu Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc “*Tranh chấp dân sự - Đòi lại tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 11/2019/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đỗ Thị Khánh L, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Số A, tổ B, khóm C, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Đỗ Hữu A, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Số E, tổ B, khóm C, Phường D, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện hợp pháp của ông Đỗ Hữu A là ông Đỗ Hữu M, sinh năm 1956; Địa chỉ: Số A, P, phường M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp – Là đại diện theo ủy quyền. (Văn bản ủy quyền ngày 30/8/2019)

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đỗ Thị Khánh L trình bày:

Chị là con của ông Đỗ Hữu A và bà Trương Thị Nguyệt A, trước đây chị sống chung với bà Trương Thị Nguyệt A tại phần đất mà ông A và bà Nguyệt A tranh chấp chia tài sản chung tại địa chỉ Số A, tổ B, khóm C, Phường D, thành phố C. Vào tháng 8/2017, do lượng mưa nhiều, đất xung quanh nhà chị thấp, nước động làm hôi thối, các hộ dân xung quanh đất chị ở phản ánh ao tù nước đọng nhà chị hôi, gây muỗi nhiều nên chị đã bơm cát san lấp.

Trong vụ án chia tài sản chung giữa ông Đỗ Hữu A và bà Trương Thị Nguyệt A, chị là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Tòa án đã tiến hành xét xử và chia tài sản chung giữa ông A và bà Nguyệt A, phần đất chia cho ông A có bao gồm phần chị đã bơm cát san lấp vào tháng 8/2017. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm do chị mới sinh con nên không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Bản án sơ thẩm số 56/2017/HNGĐ-ST, ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tách riêng cho chị khởi kiện đòi tiền bơm cát thành vụ án khác. Phần cát này đã có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh tại thời điểm phát sinh cát bơm. Bản án số 29/2018/HNGĐ-PT, ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã tuyên án thì tài sản giữa ông Đỗ Hữu A và bà Trương Thị Nguyệt A chia đôi nhưng đối với phần cát chị L đã bỏ tiền ra bơm để san lấp trong khối tài sản này thì chưa xử để trả lại cho chị L do phần đất này Tòa sơ thẩm chưa xét xử.

Chị đã liên hệ với Tòa án phúc thẩm để nhận lại hóa đơn bơm cát gốc và đã nộp cùng với đơn khởi kiện, trên hóa đơn bơm cát chị nộp thì toàn bộ khối lượng cát chị đã bơm là 650 khối, tương đương với 09 ghe cát, mỗi ghe là 70 khối và 20 khối cát lẻ xây tô, trên đất thuộc ông A sử dụng là 07 ghe, phần đất bên bà A 02 ghe 70 khối và 20 khối cát lẻ, do phần đất bên ông A sở hữu là bơm để lấp hầm, tổng cộng trên đất của ông A là 490 khối. Đơn giá ghi trên hóa đơn là 120.000 đồng là do chủ bơm cát thỏa thuận với chị là xuất hóa đơn thấp để họ chịu thuế thấp nhưng thực tế giá bơm cát thỏa thuận với chị tại thời điểm đó là 130.000 đồng một khối cát. Từ nơi đất chị đến nơi ghe đậu cách rất xa, thời điểm đó là nhà nước đang cấm việc hút cát sông lên để san lấp vì bờ sông các nơi đang sạt lở nên giá cát thời điểm đó rất cao.

Hiện nay tài sản chung của ông A và bà A đã chia xong theo 02 Bản án của Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm. Phần cát của chị bỏ tiền ra bơm nằm trên diện

tích thuộc quyền sở hữu của ông A. Chị đã nhắc ông A trả tiền bơm cát san lấp cho chị từ khi có bản án phúc thẩm nhưng ông A không trả lại tiền đã bơm cát san lấp cho chị và buộc chị phải khởi kiện một vụ dân sự mới.

Tiền bơm cát là tiền chị dành dụm được từ việc vay tín chấp của Ngân hàng bằng cách hàng tháng trừ lương của chị và lãi suất vay là 12,2%/năm, chị vay tín chấp với ngân hàng BIDV là 140.000.000 đồng và chị trích ra 63.700.000 đồng để bơm cát lấp hầm nhưng từ khi có bản án đến nay ông A không hoàn lại tiền bơm cát cho chị đã làm thiệt thòi trong phần tiền của chị và chị phải chịu lãi suất ngân hàng suốt thời gian kể từ khi bơm cát đến nay theo bảng tính như sau: $63.700.000 \times 12,2\%/\text{năm} \times 21 \text{ tháng}$ (từ tháng 9/2017 đến tháng 5/2019) là 13.604.000 đồng.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Hữu A phải trả lại cho chị số tiền là 63.700.000 đồng và tiền lãi là 13.604.000 đồng. Tổng cộng là 77.304.000 đồng. Chị yêu cầu Tòa án xem xét chấp thuận cho chị được tính tiền lãi đối với phần tiền này từ tháng 6/2019 cho đến khi xét xử xong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị có ý kiến thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu ông A trả tiền bơm cát cho chị, không yêu cầu lãi suất.

Tại phiên tòa, chị L yêu cầu ông A trả giá trị phần cát đã bơm trên phần đất ông A được chia, không yêu cầu lãi suất. Chị thống nhất với kết quả giám định của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp và thống nhất số lượng cát chị đã bơm trên phần đất ông A được chia là $189,01\text{m}^3$. Không có yêu cầu giám định lại. Chị L yêu cầu ông A trả cho chị giá trị tương đương $189,01\text{m}^3$ chị đã bơm trên phần đất ông A. Đối với giá cát, trong quá trình giải quyết vụ án chị trình bày giá cát bơm là $130.000\text{đ}/\text{m}^3$, tại phiên tòa chị thay đổi yêu cầu về giá cát, do người bơm cát cho chị là anh Nguyễn Hữu P trình bày với Tòa án giá cát bơm cho chị L là $90.000\text{đ}/\text{m}^3$, chị L thống nhất giá cát bơm là $90.000\text{đ}/\text{m}^3$.

Tại phiên tòa chị không có yêu cầu nào khác và cũng không có tranh chấp quan hệ nào khác và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Hữu A là ông Đỗ Hữu M trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ông không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn. Với lý do chị L có bơm cát nhưng tại thời điểm chị L bơm cát thì ông A và bà Nguyệt A đang tranh chấp chia tài sản chung. Chị L tự bơm cát nên chị L tự chịu nay ông A không đồng ý trả tiền bơm cát chị L. Ông thống nhất với kết quả giám định của Trung

tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp và thống nhất số lượng cát đã bơm trên phần đất ông A được chia là 189,01m³. Không có yêu cầu giám định lại. Đối với giá cát bơm, ông thống nhất giá cát bơm là 90.000đ/m³.

Tại phiên tòa, ông không có yêu cầu nào khác và không có tranh chấp gì khác, không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp: Giấy chứng minh nhân dân Đỗ Thị Khánh L, sổ hộ khẩu (bản sao có chứng thực); Hóa đơn cát lấp của người mua hàng Khánh L ngày 31/8/2017 (bản chính); Hợp đồng tín dụng ngày 14/7/2016 (bản photo); Bảng kê rút vốn ngày 18/7/2016 (bản photo); Giấy chứng nhận bảo hiểm BIC của Đỗ Thị Khánh L (bản photo); Bảng minh họa sản phẩm BIC dành cho khách hàng vay vốn (bản photo); Bản án số 29/2018/HNGĐ-PT, ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp (bản photo); Bản án số 56/2017/HNGĐ-ST, ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (bản photo).

Tài liệu chứng cứ do bị đơn nộp: Giấy ủy quyền của ông Đỗ Hữu A cho ông Đỗ Hữu M ngày 30 tháng 8 năm 2019 (bản chính).

Tại liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06 tháng 9 năm 2019, ngày 02 tháng 6 năm 2019; Đề cương, dự toán giám định khối lượng cát san lấp số 40, 41 của trung tâm giám định chất lượng xây dựng; Biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ là hai đề cương giám định số 40,41 cho chị Đỗ Thị Khánh L ngày 21/10/2019; Biên bản giao nhận tài liệu, chứng cứ là hai đề cương giám định số 40,41 cho ông Đỗ Hữu M; Biên bản lấy lời khai của chị Đỗ Thị Khánh L ngày 24/10/2019; Biên bản lấy lời khai của ông Đỗ Hữu M ngày 24/10/2019; Phiếu thu số 102 ngày 23/10/2019; Nhật ký giám định và báo cáo kết quả của trung tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc Sở xây dựng tỉnh Đồng Tháp; Biên bản làm việc với chị Đỗ Thị Khánh L ngày 15/11/2019; Biên bản làm việc với ông Đỗ Hữu M ngày 25/11/2019; Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 01/11/2019; Biên bản lấy lời khai của chị Đỗ Thị Khánh L ngày 16/8/2019; Biên bản lấy lời khai của anh Nguyễn Hữu P ngày 15/10/2019.

* Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất: Các tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp, có việc bơm cát, số lượng cát bơm như kết quả giám định, giá bơm cát là 90.000đ/m³.

* Các tình tiết vụ án các bên đương sự không thống nhất: Bị đơn không thống nhất theo yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều đã thực hiện đúng với trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm, đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Khánh L, buộc ông Đỗ Hữu A trả cho chị Đỗ Thị Khánh L số tiền tương đương với lượng cát đã bơm là $189,01\text{m}^3 \times 90.000\text{đ}/\text{m}^3 = 17.010.900\text{đ}$.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ pháp luật, căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án chị Đỗ Thị Khánh L khởi kiện yêu cầu ông Đỗ Hữu A trả tiền phần cát chị đã bơm trên phần đất của ông A. Như vậy, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp dân sự - Đòi lại tài sản” theo quy định tại Điều 166 Bộ luật Dân sự; Về thẩm quyền giải quyết: Qua các tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án thì năm 2017 chị L có bơm cát trên phần đất đã chia cho ông A. Đối với số cát bơm vào năm 2017 thì Bản án sơ thẩm số 56/2017/HNGĐ-ST, ngày 26/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh và bản án phúc thẩm số 29/2018/HNGĐ-PT, ngày 22/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp nhận định các đương sự chưa có yêu cầu và khi có tranh chấp sẽ khởi kiện thành vụ án khác nên phần tranh chấp đối với việc chị L bơm cát vào năm 2017 là chưa được giải quyết bằng bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn ông Đỗ Hữu A có địa chỉ tại thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu của nguyên đơn chị Đỗ Thị Khánh L yêu cầu ông Đỗ Hữu A trả lại tiền bơm cát, chị L không yêu cầu lãi suất. Chị L chứng minh bằng: Hóa đơn ngày 31/08/2017 (bản chính) và chị cho rằng Tòa

án thành phố Cao Lãnh khi xét xử vụ án chia tài sản chung giữa ông A và bà Nguyệt A có tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và ghi nhận thực tế chị có bơm cát trên phần đất đã chia cho ông A.

Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và phần trình bày của các đương sự tại phiên tòa có căn cứ xác định vào năm 2017 chị Đỗ Thị Khánh L đã tiến hành bơm cát san lấp ao trên phần đất hiện nay thuộc quyền sử dụng của ông Đỗ Hữu A. Việc bơm cát này nhằm để hạn chế việc đọng nước gây hôi thối và muỗi tại nơi chị L sinh sống vào thời điểm đó. Số cát bơm hiện nằm trên phần đất ông A đã được chia nên yêu cầu của chị L đối với ông A trả cho chị số tiền bơm cát là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với số lượng cát bơm, các đương sự thống nhất với kết luận giám định của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc Sở xây dựng tỉnh Đồng Tháp về số lượng cát bơm là $189,01\text{m}^3$. Sự thống nhất của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với kết quả giám định nên có căn cứ chấp nhận số lượng các mà chị L bơm là $189,01\text{m}^3$.

Đối với giá cát bơm, tại phiên tòa các đương sự thống nhất giá cát bơm là $90.000\text{đ}/\text{m}^3$. Các đương sự thống nhất là tự nguyện và phù hợp với lời khai của người bơm cát cho chị L nên chấp nhận.

Về lãi suất: Nguyên đơn không yêu cầu là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Đỗ Thị Khánh L là có căn cứ và phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Khánh L, buộc ông Đỗ Hữu A phải trả cho chị L số tiền bơm cát là $189,01\text{m}^3 \times 90.000\text{đ}/\text{m}^3 = 17.010.900\text{đ}$.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Đỗ Thị Khánh L đối với ông Đỗ Hữu A nên ông A phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, ông A là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của ông A xin miễn án phí nên ông A được miễn án phí theo quy định tại Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chị Đỗ Thị Khánh L không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là $1.932.000\text{đ}$ (Một triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng)

theo biên lai thu số 0009116 ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định và giám định:

Ông Đỗ Hữu A phải chịu một phần chi phí xem xét thẩm định và giám định tương đương với số lượng cát chấp nhận cho chị L là 5.075.883đ (Năm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi ba đồng), để hoàn trả lại một phần cho chị Đỗ Thị Khánh L số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và giám định đã nộp theo phiếu thu ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng, biên bản xem xét thẩm định ngày 06/9/2019 và ngày 02/10/2019.

Chị Đỗ Thị Khánh L phải chịu một phần chi phí xem xét thẩm định và giám định là 8.083.117đ (Tám triệu không trăm tám mươi ba nghìn một trăm mười bảy đồng), chị L đã nộp tạm ứng và chi xong theo phiếu thu ngày 23 tháng 10 năm 2019 của Trung tâm giám định chất lượng xây dựng, biên bản xem xét thẩm định ngày 06/9/2019 và ngày 02/10/2019.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 166 Bộ Luật dân sự; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Khánh L. Buộc ông Đỗ Hữu A phải có nghĩa vụ trả cho chị Đỗ Thị Khánh L số tiền bom cát là 17.010.900đ (Mười bảy triệu không trăm mười nghìn chín trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Đỗ Hữu A được miễn tạm ứng án phí theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn chị Đỗ Thị Khánh L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.932.000đ (Một triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009116 ngày 12 tháng 6 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

- Về chi phí xem xét thẩm định và giám định: Ông Đỗ Hữu A phải chịu một phần chi phí xem xét thẩm định và giám định tương đương với số lượng cát chấp nhận cho chị L là 5.075.883đ (Năm triệu không trăm bảy mươi lăm nghìn tám trăm tám mươi ba đồng), để hoàn trả lại một phần cho chị Đỗ Thị Khánh L.

- Chị Đỗ Thị Khánh L phải chịu một phần chi phí xem xét thẩm định và giám định là 8.083.117đ (Tám triệu không trăm tám mươi ba nghìn một trăm mười bảy đồng), chị L đã nộp tạm ứng và chi xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND TPCL;
- TAND Tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đặng Thị Thanh Thảo